



GIUN SÁN TRUYỀN QUA ĐẤT VÀ THỰC PHẨM



Nội dung: Lý thuyết

TT	Bài học	Tiết
1	Nhập môn. Đại cương KST Y học.	03
2	Giun sán truyền qua đất và thực phẩm	06
3	KST đường máu, nội tạng ĐV chân đốt truyền bệnh	03
4	Đơn bào gây bệnh	03
5	Dịch tễ học KST và bệnh KST	03
6	KST và sức khỏe cộng đồng	03
7	Phòng chống KST và bệnh KST	03



Chuẩn đầu ra

Sau khi học xong bài này sinh viên có khả năng:

1. Trình bày những đặc điểm cơ bản của giun sán truyền qua đất và thực phẩm.
2. Mô tả đặc điểm cơ bản của bệnh do giun sán truyền qua đất và thực phẩm.
3. Giải thích nguyên tắc, biện pháp phòng chống bệnh do giun sán truyền qua đất và thực phẩm.



Nội dung

1. Đặc điểm cơ bản của giun sán truyền qua đất và thực phẩm.
2. Đặc điểm cơ bản của bệnh do giun sán truyền qua đất và thực phẩm.
3. Nguyên tắc, biện pháp phòng chống bệnh do giun sán truyền qua đất và thực phẩm.



Tài liệu tham khảo

- Ký sinh trùng y học, HUPH, PGS.TS Phạm Văn Thân
- Ký sinh trùng y học, ĐH Y Hà Nội. PGS.TS Nguyễn Văn Đề, PGS.TS Phạm Văn Thân.



Đặc điểm cơ bản của giun sán truyền qua đất và thực phẩm



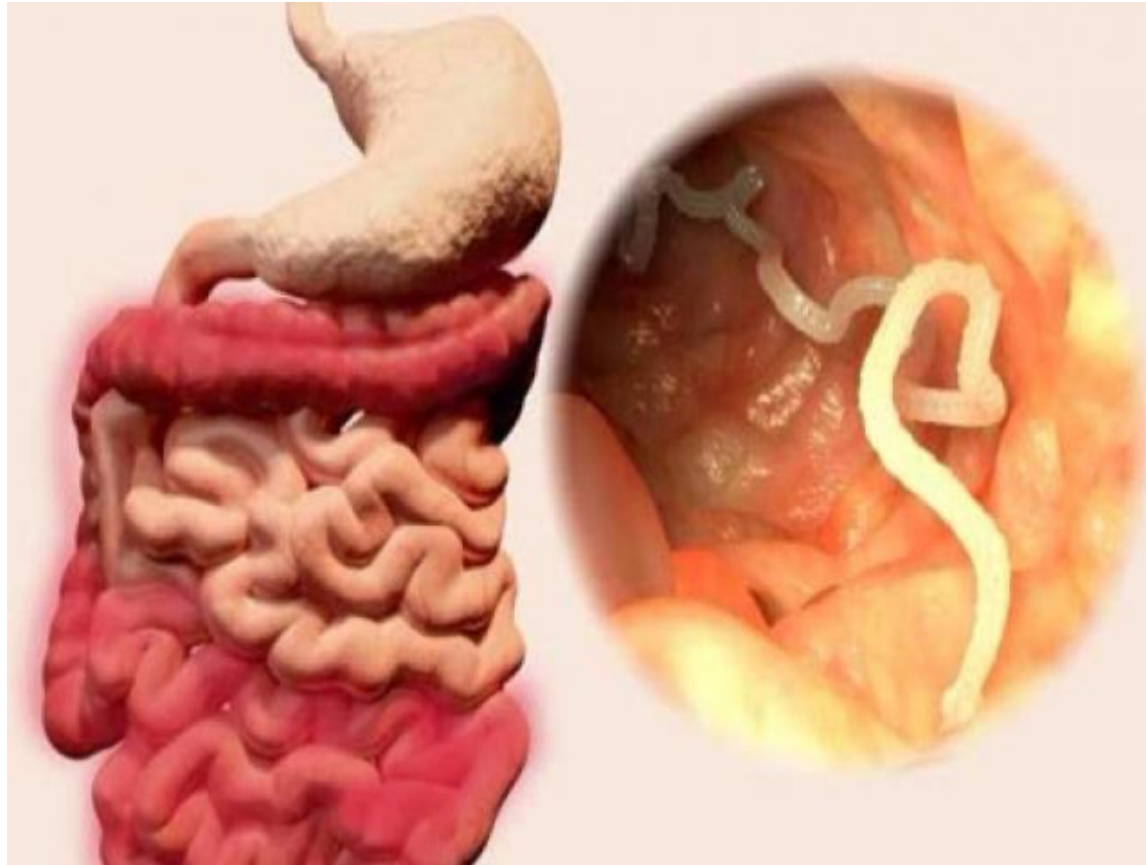


Một số đặc điểm chung cơ bản

- Là động vật đa bào.
- Thuộc ngành giun tròn (giun đũa, giun tóc, giun móc/mỏ...), sán (sán dây, sán lá gan...)
- Là nguyên nhân gây nên bệnh do ký sinh trùng lây nhiễm người - người.
- Phổ biến hầu khắp thế giới, nhất là các nước nhiệt đới và cận nhiệt (Việt Nam)
- Tác hại: Chiếm chất dinh dưỡng, máu....



Giun sán truyền qua đất





❖ **Đặc điểm giun sán truyền qua đất**

- **Mầm bệnh:**

- Thường là trứng/ấu trùng của các loại giun, sán có trong đất.

- **Đường xâm nhập:**

- Mầm bệnh từ đất vào cơ thể qua thức ăn, nước uống, hoặc qua da vào vật chủ.

- **Một số loài:**

- Giun đũa, giun tóc, sán dây...



❖ Đặc điểm giun sán truyền qua đất

Chu kỳ

Người \longleftrightarrow Ngoại cảnh

- Chu kỳ đơn giản
- Lây nhiễm xảy ra khi môi trường bị nhiễm phân có mầm bệnh giun sán.
- Trứng phải có giai đoạn phát triển ngoài ngoại cảnh -> ấu trùng (có khả năng lây nhiễm)

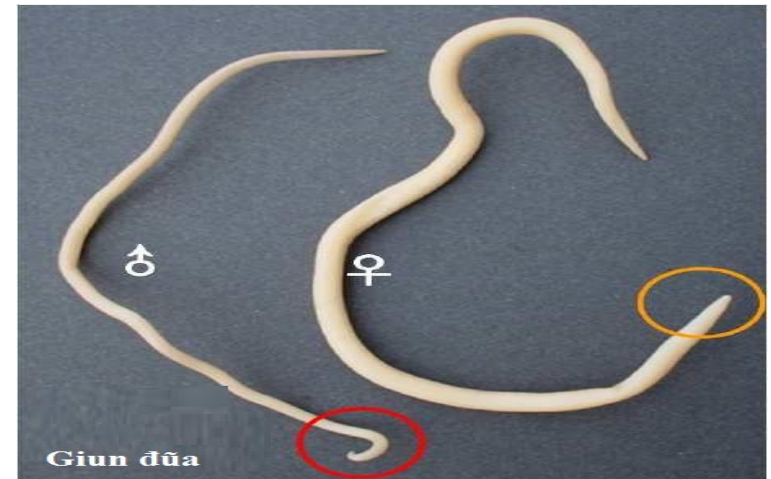


Một số giun sán truyền qua đất



Giun đũa (*Ascaris lumbricoides*)

- **Vị trí ký sinh:** Ruột non
- **Hình thái:** màu trắng ngà hay hồng nhạt, ống tròn, giống chiếc đũa dài khoảng 25cm.
- **Giun đũa đực:** đuôi cong lại về phía bụng, hai gai giao hợp ở cuối đuôi.
- **Giun đũa cái:** Đuôi thẳng hình nón.



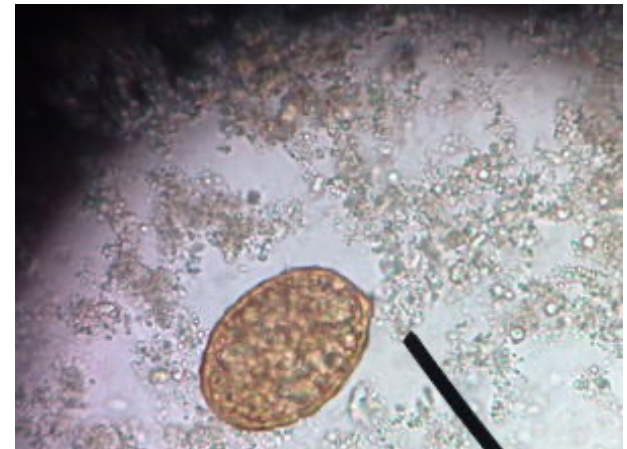


Giun đũa

- Trứng giun đũa hình tròn hoặc bầu dục.
- Có hai phần $\begin{matrix} \rightarrow & \text{Vỏ} \\ \rightarrow & \text{Nhân} \end{matrix}$
- Trứng đã thụ tinh nhân thành 1 khối, chưa thụ tinh nhân phân tán.



Trứng giun đũa (*Ascaris lumbricoides*)
tiêu bản soi tươi





Giun đũa

- **Đường xâm nhập vào vật chủ:**
 - Thụ động qua con đường tiêu hóa (ăn, uống)
- **Đường truyền qua chất thải ra môi trường:**
 - Theo đường tiêu hóa qua phân ra môi trường.



Giun đũa

- **Đặc điểm dinh dưỡng:** Sử dụng các sinh chất của người ở ruột non.
- **Đặc điểm sống, phát triển:** đời sống ngắn 13 – 15 tháng.
- **Đặc điểm sinh sản:** một ngày giun đũa cái có thể đẻ 200.000 trứng.

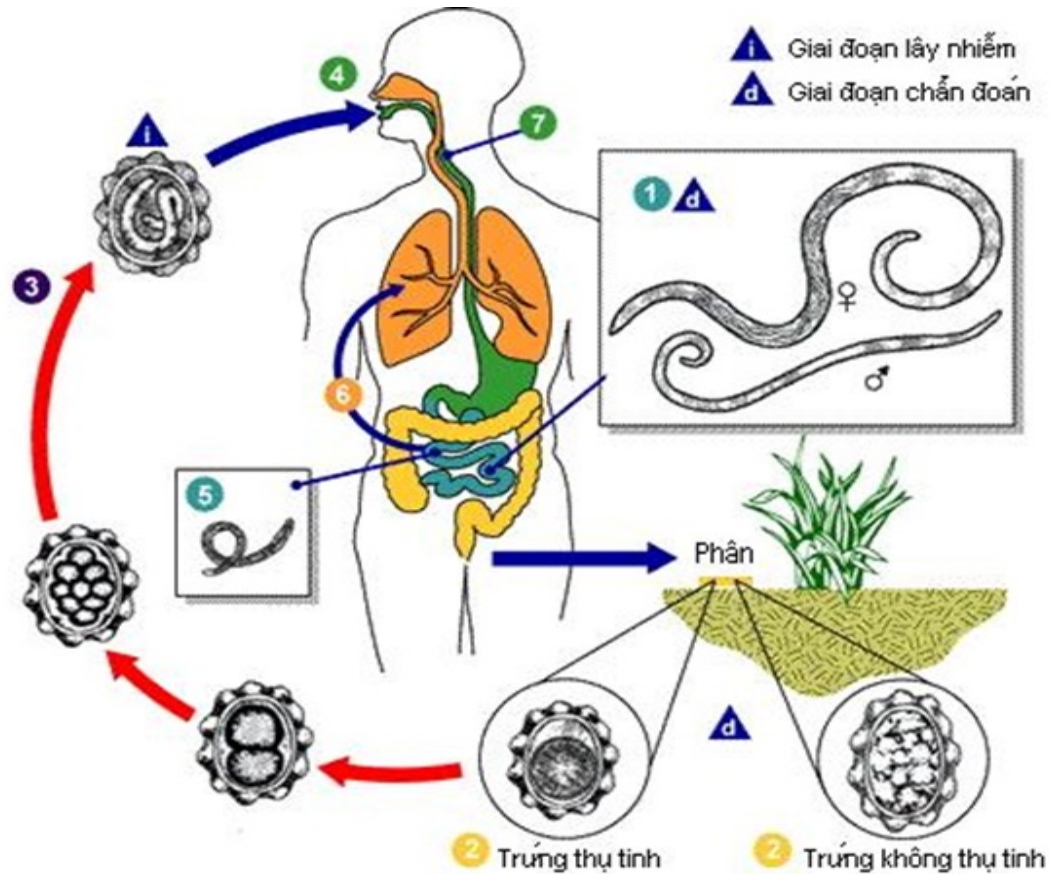
Chu kỳ giun đũa

Làm việc nhóm

Thời gian: 10p

Chia nhóm: Mỗi bàn
1 nhóm

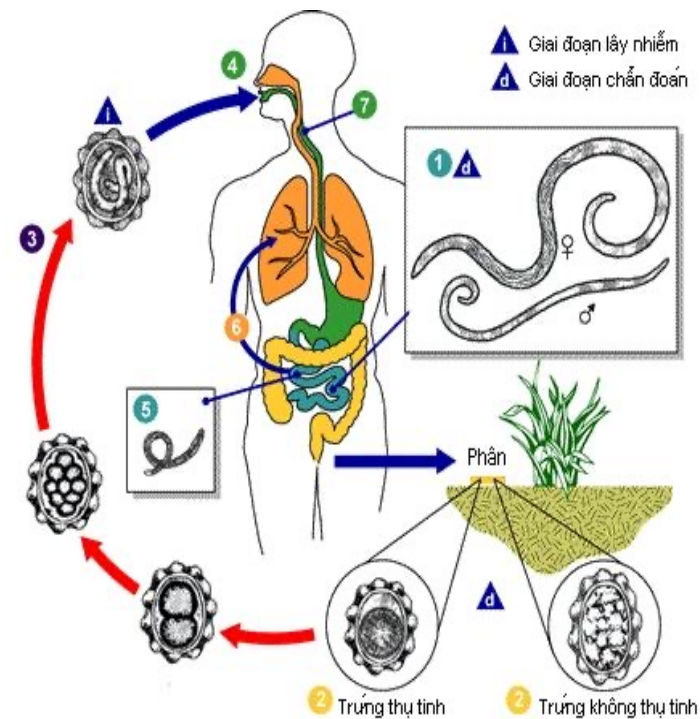
Câu hỏi: Trình bày
các giai đoạn trong
chu kỳ giun đũa?



Chu kỳ giun đũa

Thuộc kiểu chu kỳ đơn giản

1. Con cái đẻ trứng ở ruột non
2. Trứng được thải ra ngoài theo phân.
3. Trứng được thụ tinh phát triển thành ấu trùng (có khả năng gây nhiễm)
4. Người ăn phải trứng có ấu trùng.

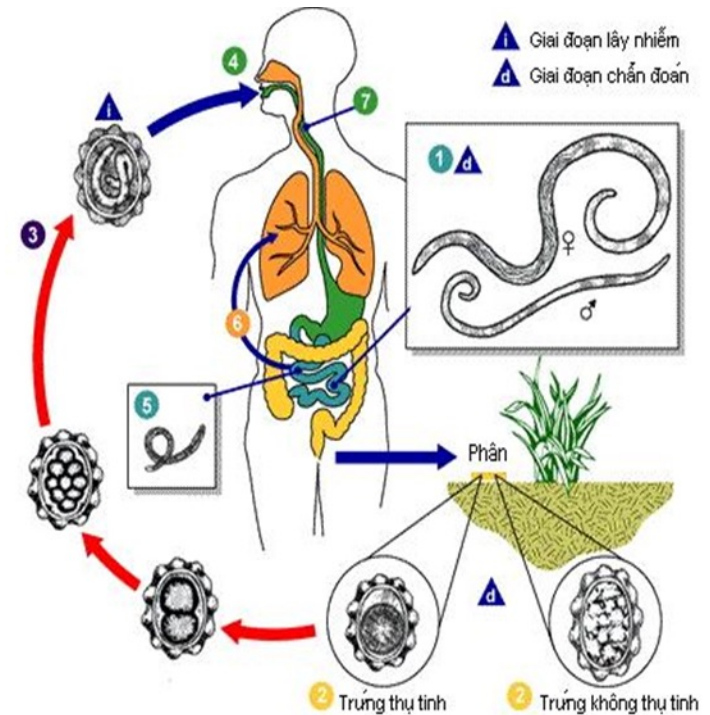


Chu kỳ giun đũa

5. Ấu trùng thoát vỏ ở tá tràng -> vào mạch máu theo dòng máu tới gan -> tim P -> Phổi.

6. Ở phổi lột xác 2 lần -> qua phế nang -> phế quản -> ngược lên khí quản và thực quản

7. Nuốt -> trở lại ruột non -> trưởng thành.





Tác hại của giun đũa

- Chiếm thức ăn, vitamin A, D.
- Gây chán ăn, rối loạn tiêu hóa.
- ⇒ Suy dinh dưỡng, chậm lớn, chậm phát triển.
- Gây tắc ruột.
- Chui lạc chỗ gây viêm nhiễm các cơ quan như viêm đường mật cấp, viêm tụy cấp, áp xe...





Tóm tắt

- Vị trí ký sinh.
- Một số đặc điểm về hình thái, đường lây nhiễm.
- Chu kỳ.
- Tác hại.



Làm việc nhóm

- **Chia nhóm:** Ba sinh viên một nhóm
- **Thời gian:** 15 phút
- **Nội dung:** Tìm hiểu về giun đũa, giun móc/mỏ, giun tóc, giun kim, giun lươn, giun xoắn, giun lươn não *Angiostrongyloides*.
 1. Vị trí ký sinh
 2. Đặc điểm hình thể: trứng, ấu trùng và con trưởng thành,
 3. Đặc điểm đường xâm nhập, dinh dưỡng,
 4. Chu kỳ.
 5. Tác hại



Giun kim (*Enterobius vermicularis*)

- **Vị trí ký sinh:**
 - Ruột non sau đó xuống ruột già.
- **Hình thái:**
 - Giun kim có màu trắng sữa, đầu hơi phình và vỏ có khía.
 - Giun đực ngắn hơn giun cái, đuôi cong.





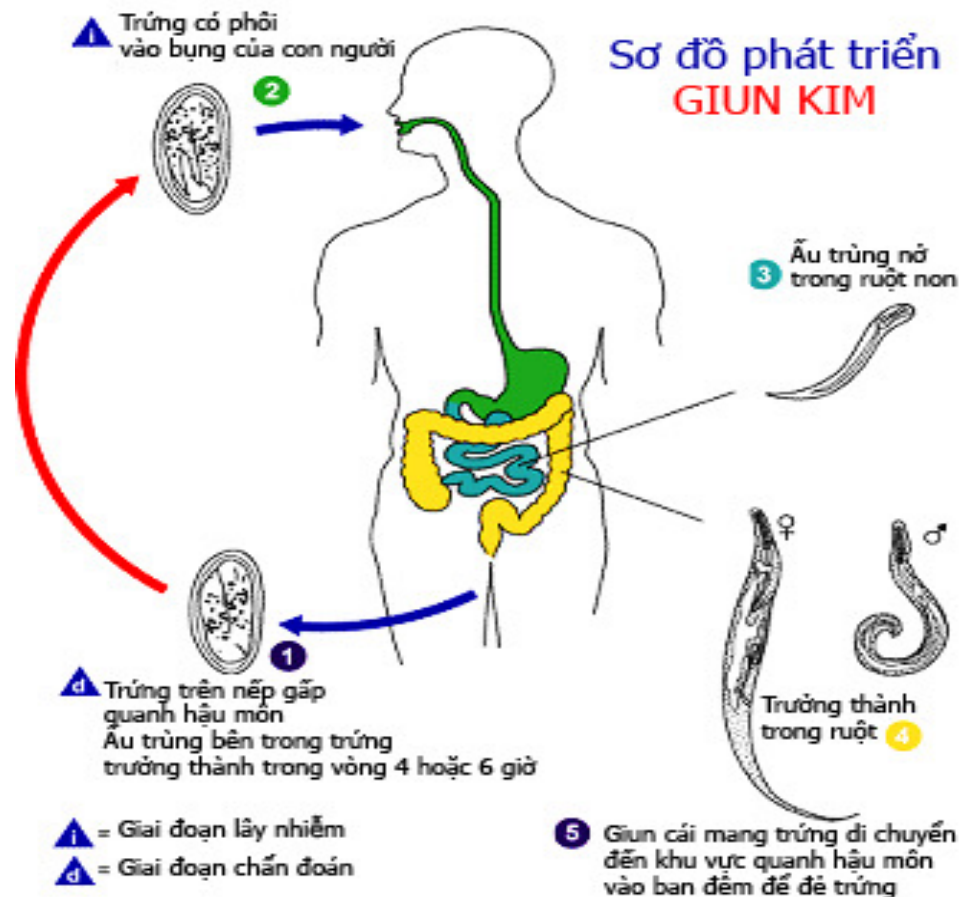
Giun kim

- **Đường truyền ra môi trường:** Giun cái đẻ trứng ở nếp nhăn hậu môn -> ấu trùng ở quần áo, tay .. (có khả năng lây nhiễm)
- **Đường xâm nhập vào vật chủ:**
 - Thức ăn, nước uống, đồ chơi nhiễm ấu trùng....
 - Ấu trùng ở hậu môn chui lên ruột.



- **Đặc điểm sống, phát triển:** Tuổi thọ ngắn 1 – 2 tháng
- **Đặc điểm dinh dưỡng:** Lấy các chất dinh dưỡng ở đại tràng.
- **Đặc điểm sinh sản:** Một con giun cái đẻ khoảng 4.000 - 200.000 trứng

Chu kỳ của giun kim





Tác hại của giun kim

- Rối loạn tiêu hóa
- Trẻ thường bứt rứt, khó chịu.
- Người lớn mắc bệnh giun kim có thể gây nên chứng di tinh, viêm âm đạo
- Giun kim cũng có thể xâm nhập và gây viêm phổi, thực quản, hốc mũi, cổ tử cung.



• **Break time!**



Giun móc/ mỏ (*Ancylostoma duodenale*/ *Necator americanus*)

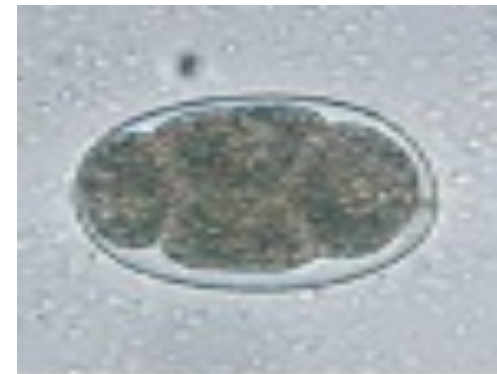
❖ Vị trí ký sinh: Tá tràng

❖ Hình thái:

- Màu trắng sữa hoặc hơi hồng. Con đực dài khoảng 8-11mm, con cái dài 10-13 mm.
- Giun mỏ nhỏ hơn, ngắn hơn giun móc.



Hình thể bao miệng giun mỏ (*Necator americanus*)



Trứng giun mỏ (của loài *Necator americanus*)

Giun móc/ mỏ

- Đường xâm nhập vào vật chủ:
- Chủ động, ấu trùng xuyên qua da của vật chủ.
- Đường truyền qua chất thải ra môi trường
- Theo đường tiêu hóa qua phân.





Giun móc/mỏ

❖ Đặc điểm sinh sản:

- Giun móc cái đẻ 10.000 – 15.000
- Giun mỏ cái: 5.000 – 10.000

❖ Đặc điểm dinh dưỡng: Hút máu niêm mạc ruột

❖ Đặc điểm sống, phát triển:

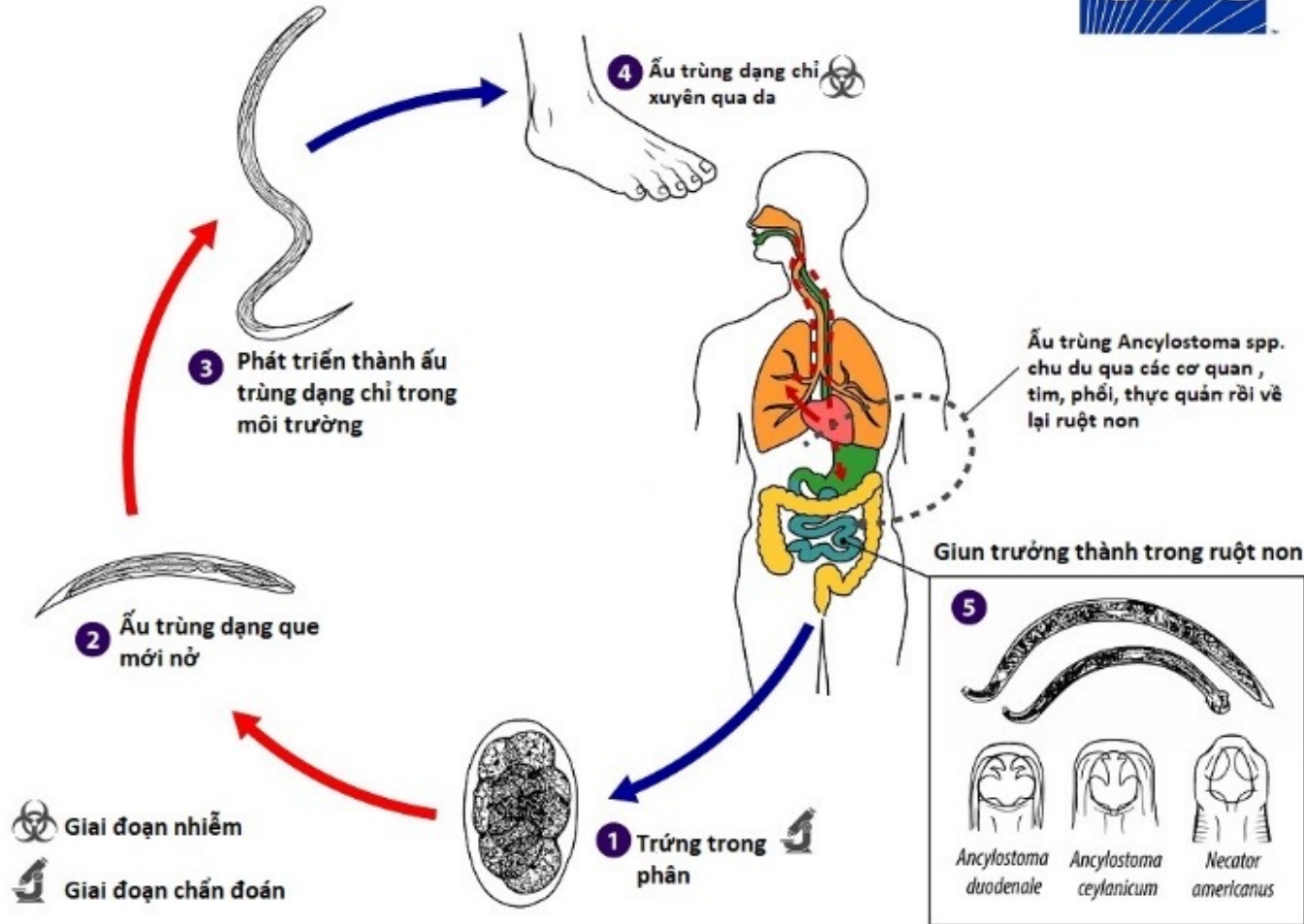
- Giun móc: 4 – 5 năm
- Giun mỏ: 10 -15 năm.



Chu kỳ giun móc mủ

DPDx

GIUN MÓC/MỎ ĐƯỜNG RUỘT





❖ Tác hại của giun móc mủ:

- Hút máu.
- Tiết ra chất chống đông và các chất ức chế cơ quan tạo máu.
- Làm giảm lượng sắt huyết thanh.
- **Gây thiếu máu, thiếu sắt**
- Bám vào tá tràng gây hiện tượng viêm loét hành tá tràng.



Giun tóc (*Trichuris trichiura*)

- ❖ **Vị trí ký sinh:** Ruột già chủ yếu ở manh tràng.
- ❖ **Hình thái:**
 - Màu hồng nhạt hoặc trắng sữa,
 - Có 2 phần: Đầu dài và nhỏ chiếm 2/3 chiều dài cơ thể, phần thân ngắn và phình to
 - Giun cái dài 30 - 50 mm, giun đực dài 30 - 45 mm.



Trứng giun tóc (*Trichuris trichiura*) tiêu bản soi tươi



Giun tóc

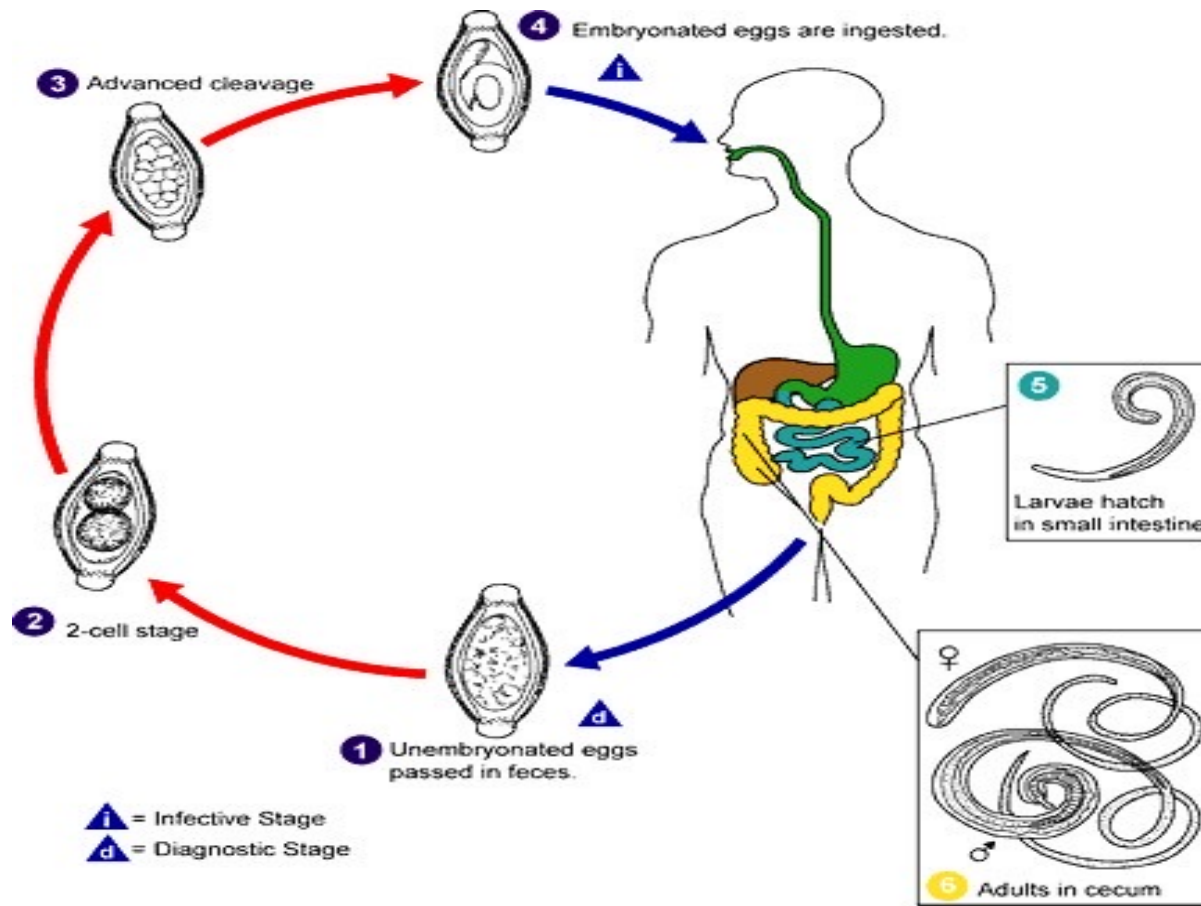
- **Đường xâm nhập vào vật chủ:**
 - Thụ động qua con đường ăn uống.
- **Đường truyền qua chất thải ra môi trường:**
 - Tiêu hóa qua phân ra ngoài.



Giun tóc

- **Đặc điểm sinh sản:** Giun tóc cái đẻ 2.000 trứng/ngày
- **Đặc điểm dinh dưỡng:** Giun tóc cắm phần đầu vào niêm mạc đại tràng để hút máu
- **Đặc điểm sống, phát triển:** Tuổi thọ khoảng 5- 6 năm.

Chu kỳ giun tóc





Tác hại của giun tóc

- **Hút máu vật chủ:** Nhiễm nhiều có thể gây thiếu máu nhược sắc, phù nhẹ.
- Trường hợp nhiễm nhiều giun tóc sẽ gây **tổn thương niêm mạc đại tràng**, kích thích ruột gây hội chứng giống lỵ.

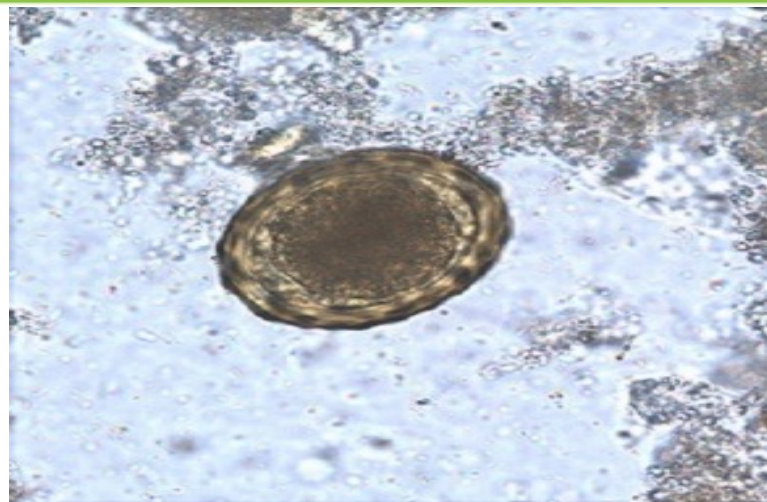


Hình thể 1 số loại trứng giun





Trứng giun tóc (*Trichuris trichiura*) tiêu bản soi tươi



Trứng giun đũa (*Ascaris lumbricoides*)
tiêu bản soi tươi



Trứng giun kim (*Enterobius vermicularis*)



Một số loại giun khác

- Giun chỉ bạch huyết
- Giun lươn não
- Giun lươn ruột
- Giun xoắn
- Giun đầu gai



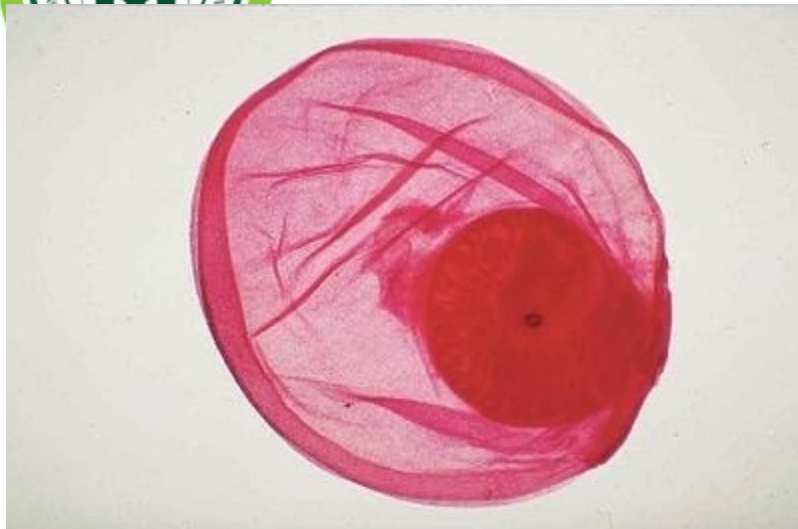
Sán dây (Taenia)

- **Ba loài:**
 - Sán dây lợn (*Taenia solium*, *Taenia asiatica*)
 - Sán dây bò (*Teania saginata*)
- **Vị trí ký sinh:**
 - Trưởng thành: Ruột non
 - Ấu trùng: tổ chức dưới da, cơ, gan, phổi, não, mắt, tim.



Sán dây

- **Hình thái:** Sán dây trưởng thành dài 2-4m, có thể 8 - 10 m.
- Hình thể như một dải băng và
- 3 phần: phần đầu, phần cổ, phần thân.
- **Ấu trùng:** Giống 1 hạt đu đủ mọc nước. Trong nang sán là đầu sán non.



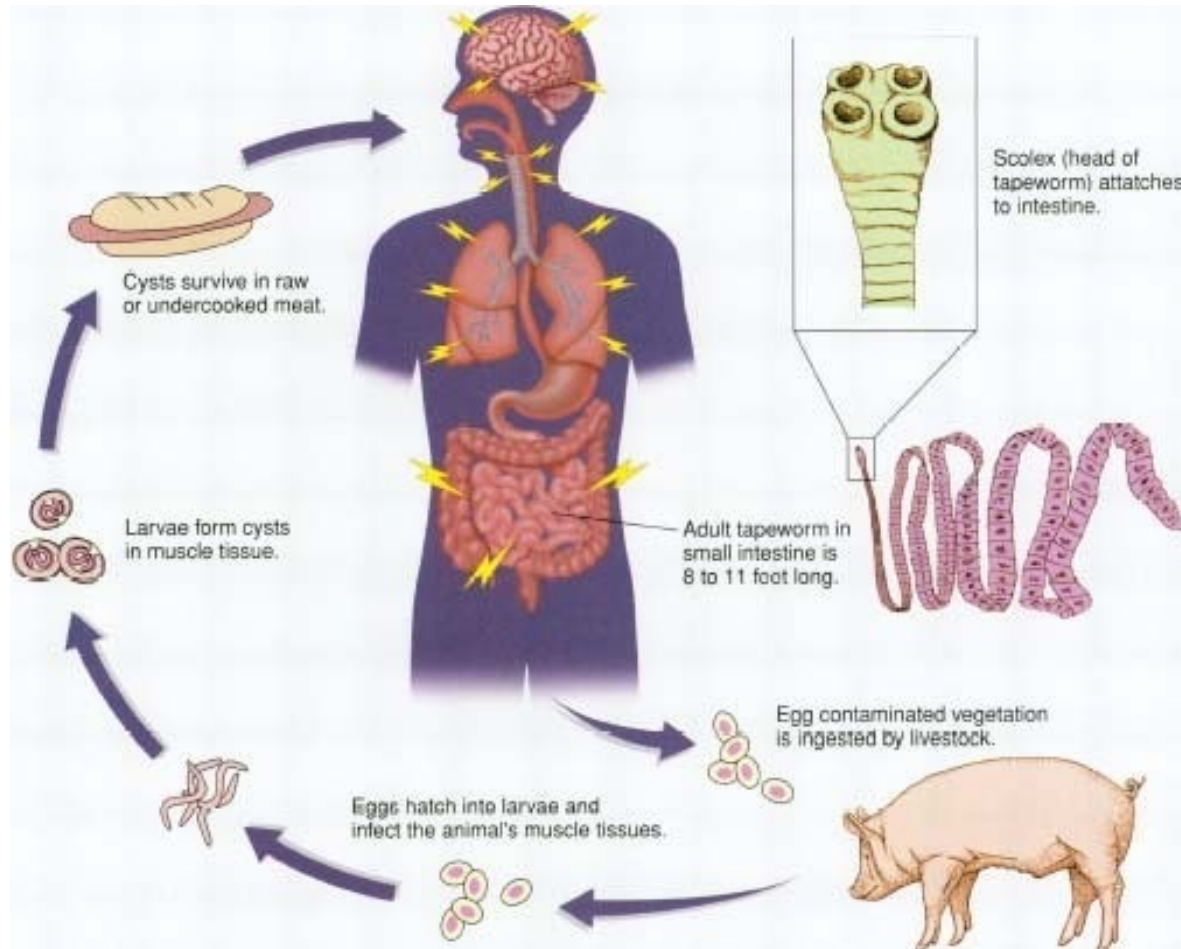
Ấu trùng sán lợn (Cysticercus cellulosae)

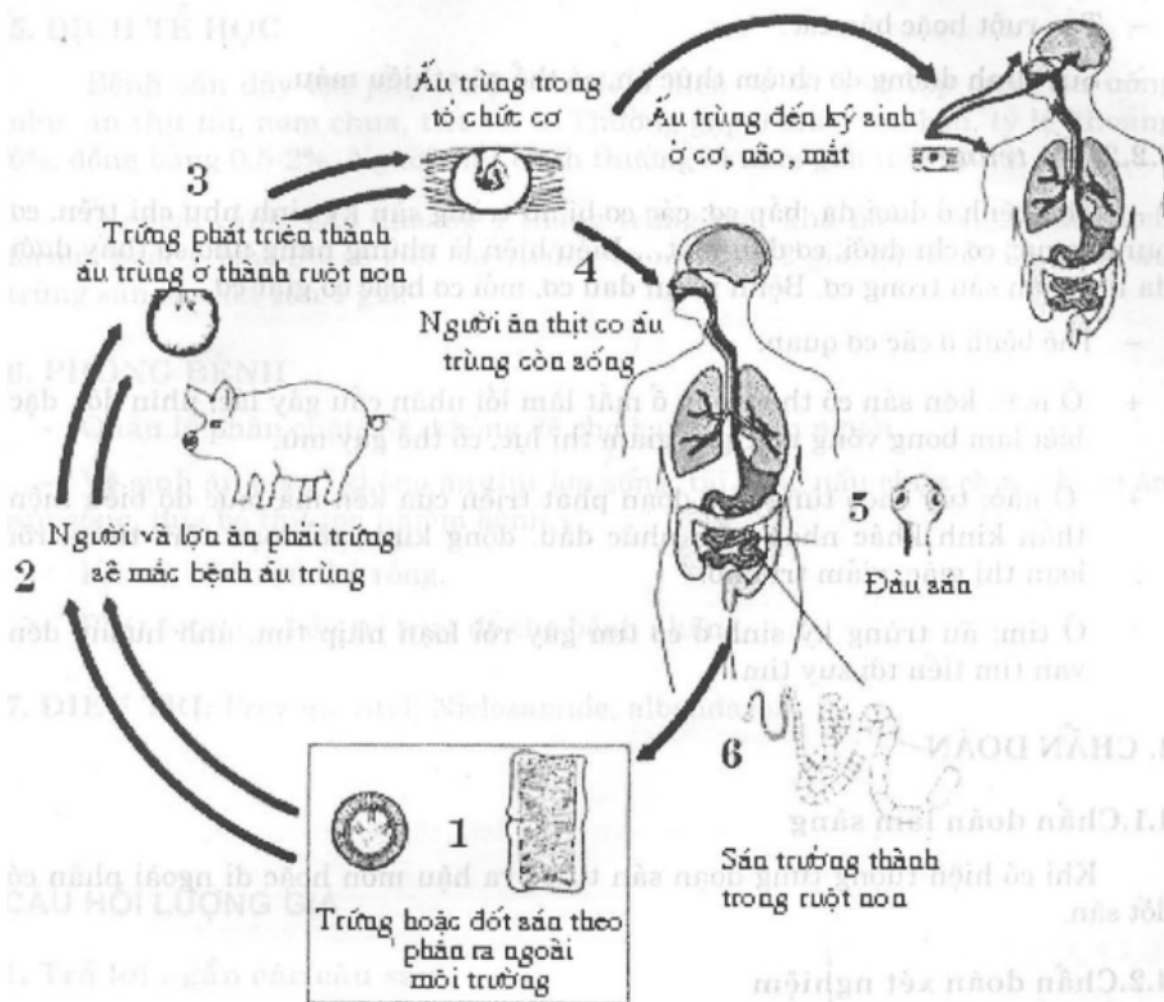




- **Đường truyền qua chất thải ra môi trường:** Các đốt sán rùng, hoặc theo phân ra môi trường.
- **Đường xâm nhập vào vật chủ:** Thụ động qua đường ăn uống.
- **Tuổi thọ sán khoảng:** 20 – 30 năm

Chy kỳ của sán dây lợn





Hình 49. Chu kỳ sán dây lợn và sán dây bò



Tác hại nhiễm sán dây lợn

- Người bệnh thường xuyên có những cảm giác khó chịu, bứt rứt, có những đợt sán tự rụng theo phân ra ngoài.
- Nang ấu trùng ký sinh ở mắt gây giảm thị lực, có thể mù mắt.
- Nang ấu trùng ký sinh ở não: các triệu chứng thần kinh.

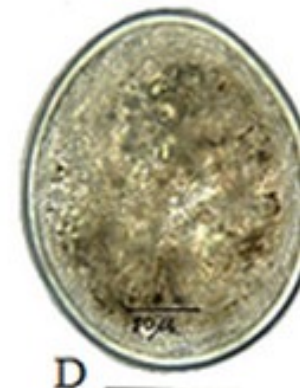
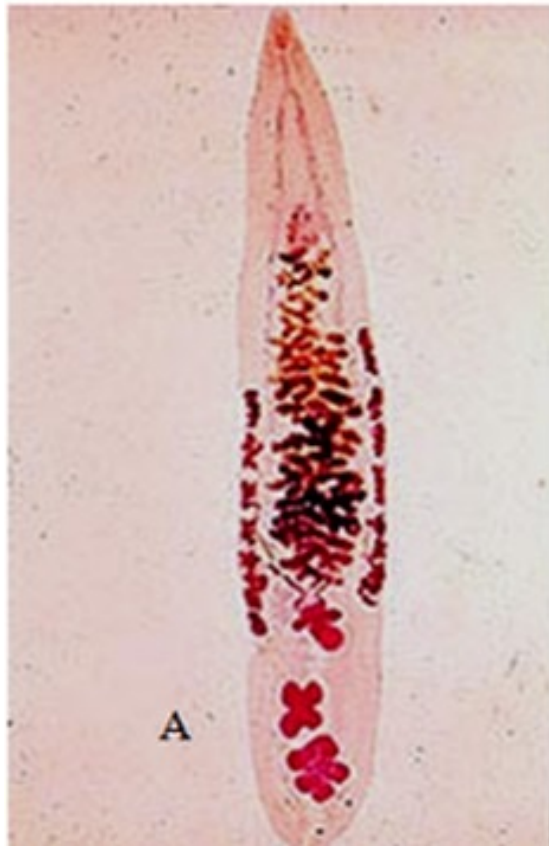


Tổng kết

- Tên gọi 1 số loại giun sán qua truyền qua đất
- Một số đặc điểm về hình thái, sinh học, sinh sản
- Phương thức lây nhiễm
- Chu kỳ
- Tác hại



Giun sán truyền qua thực phẩm



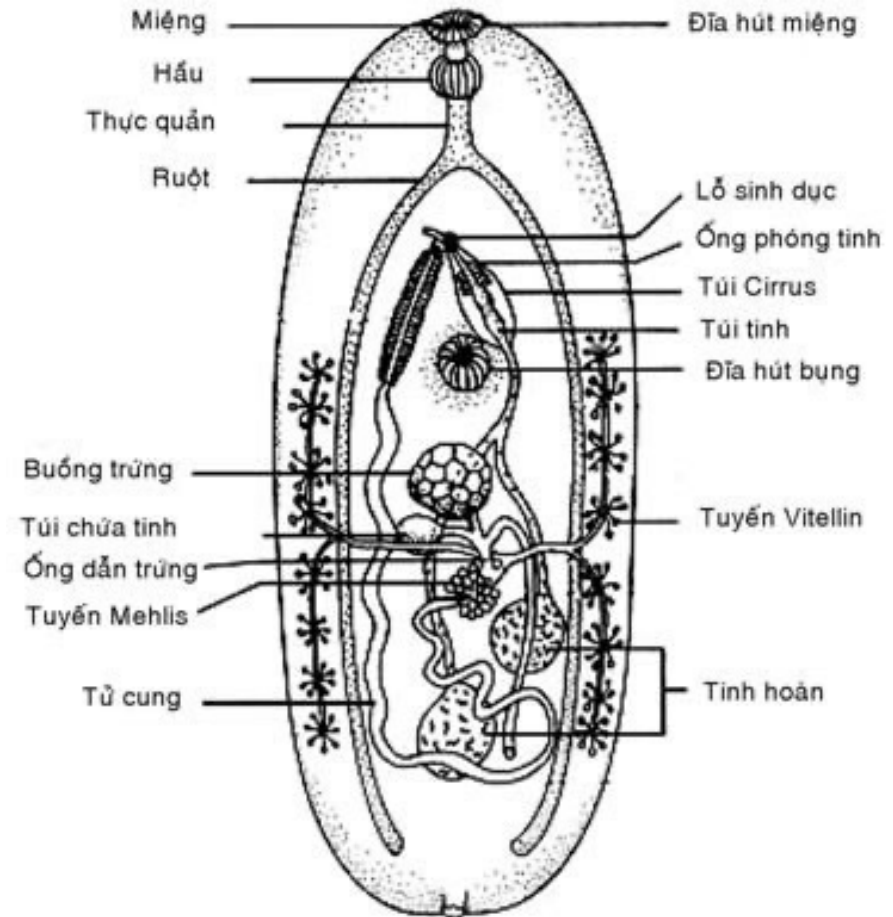


Đặc điểm chung của giun sán truyền qua thực phẩm

- **Nguồn bệnh có ở:**
 - Rau, thịt, cá, trong nước
- **Đường xâm nhập:**
 - Qua đường tiêu hóa khi ăn rau sống, uống nước có trứng giun, ăn cá tôm cua có nang sán chưa nấu chín...
 - Một số loài: sán lá gan, sán lá phổi, giun đũa...

Sán lá

- ❖ Đặc điểm sán lá
 - Thân dẹt, hình lá
 - Ống tiêu hóa chia làm đôi, không có hậu môn.
 - Đa số là lưỡng giới

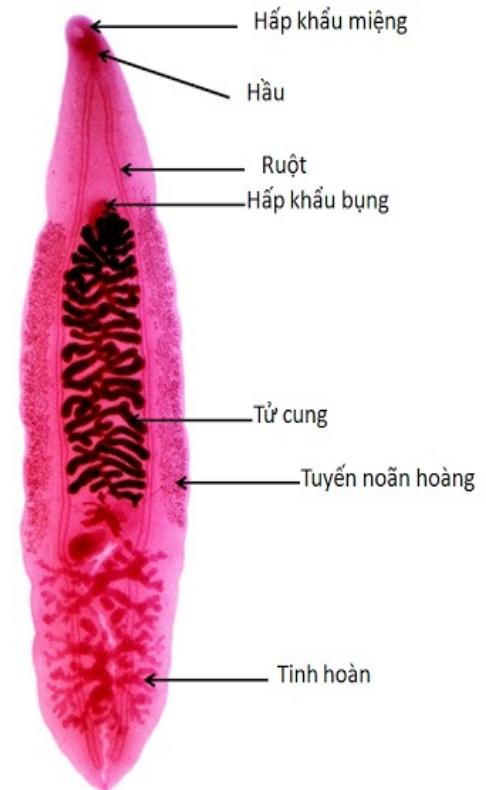


Hình 25.1. Hình thể của sán lá



Sán lá gan nhỏ (*Clonorchis sinensis*)

- Vị trí kí sinh: đường mật
- Màu đỏ nhạt
- Dài 10 – 20 mm, ngang 2 – 4 mm
- Hấp khẩu ăn và hấp khẩu bám ở xa.
- Tinh hoàn chia nhánh phía sau buồng trứng.



Sán lá gan nhỏ trưởng thành được nhuộm carmine. Có thể nhìn thấy bên các bộ phận bên trong (mũi tên)



Sán lá gan nhỏ

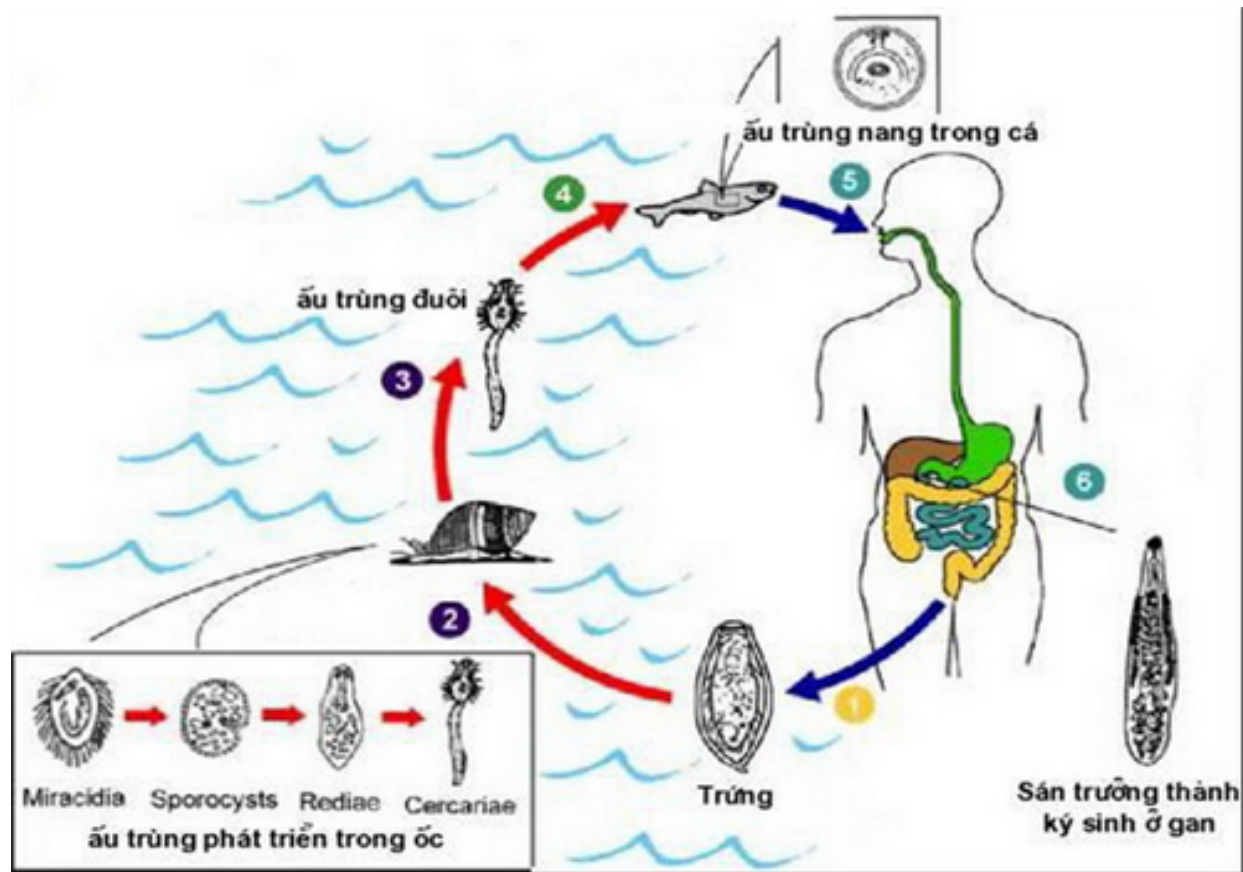
- **Đặc điểm sinh sản:** Loài lưỡng giới
- **Đặc điểm dinh dưỡng:** chiếm sinh dưỡng (máu)
- **Đặc điểm sống, phát triển:** Sán trưởng thành có thể sống ký sinh 20 năm.



Sán lá gan nhỏ

- **Đường xâm nhập vào vật chủ:** qua cá, ốc nhỏ chứa nang sán chưa được nấu chín.
- **Đường truyền qua chất thải ra môi trường:** Đường tiêu hóa – qua phân.

• Chu kỳ sán lá gan nhỏ:



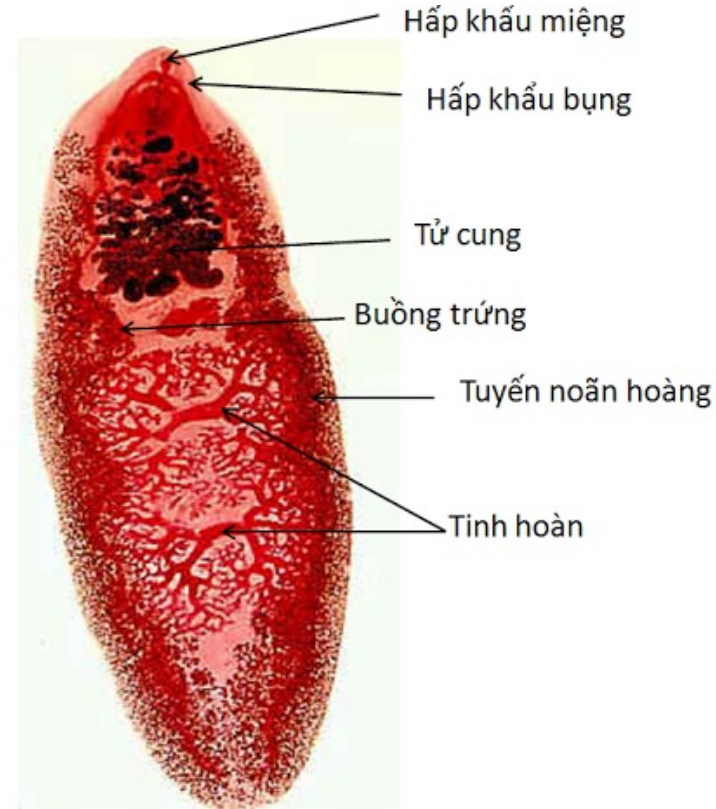


❖ Tác hại sản lá gan nhỏ:

- Thiếu máu, chảy máu
- Rối loạn tiêu hóa
- Nhiễm độc dị ứng
- Tổn thương gan, lách to....

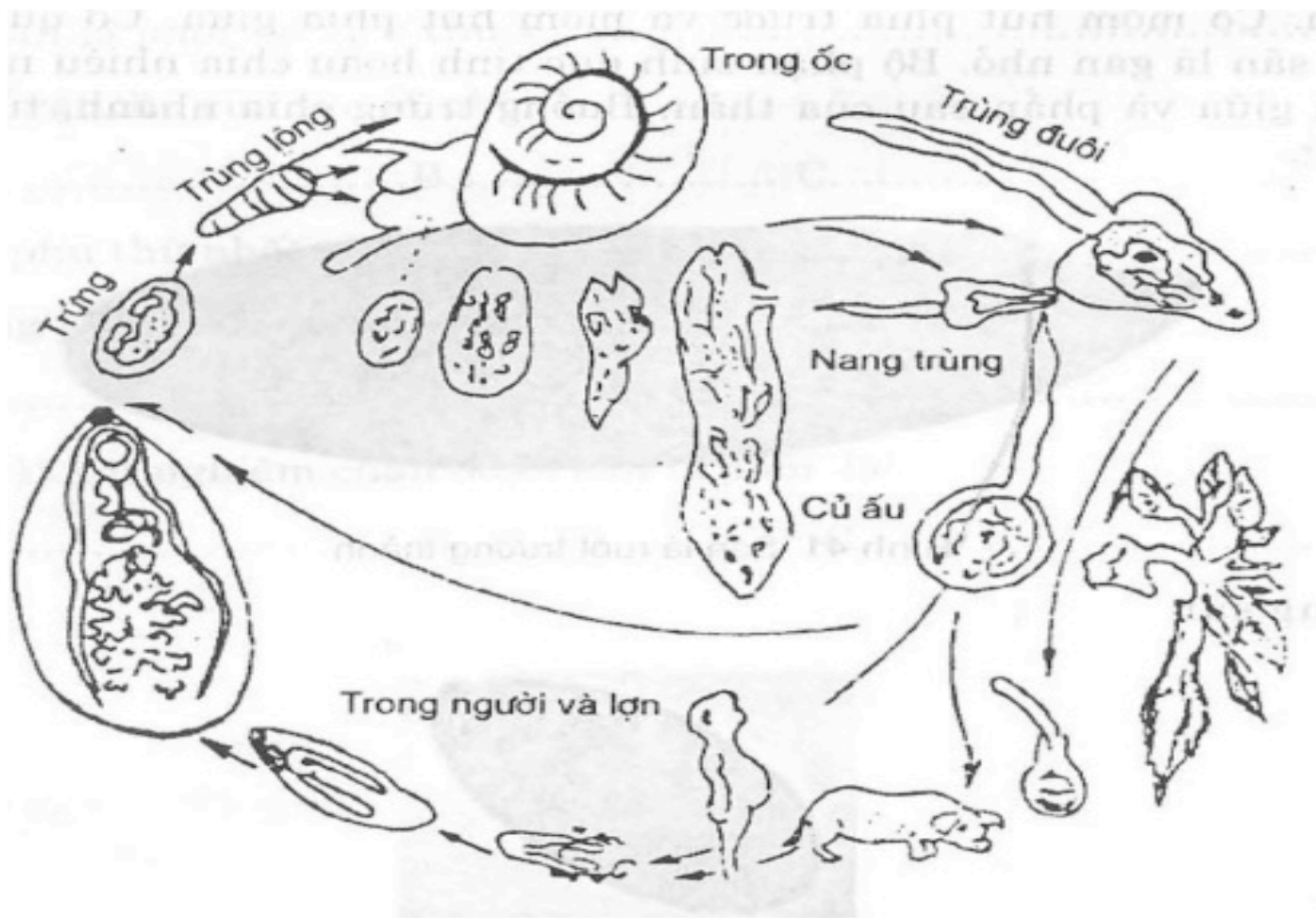
Sán lá ruột (*Fasciolopsis buski*)

- **Vị trí kí sinh:** Ruột non
- **Hình thái:** lá dẹt, màu hồng nhạt.
- Giác miệng phía trước và ở giữa.
- Tinh hoàn, buồng trứng trứng chia nhánh



F. buski trưởng thành

Chu kỳ phát triển

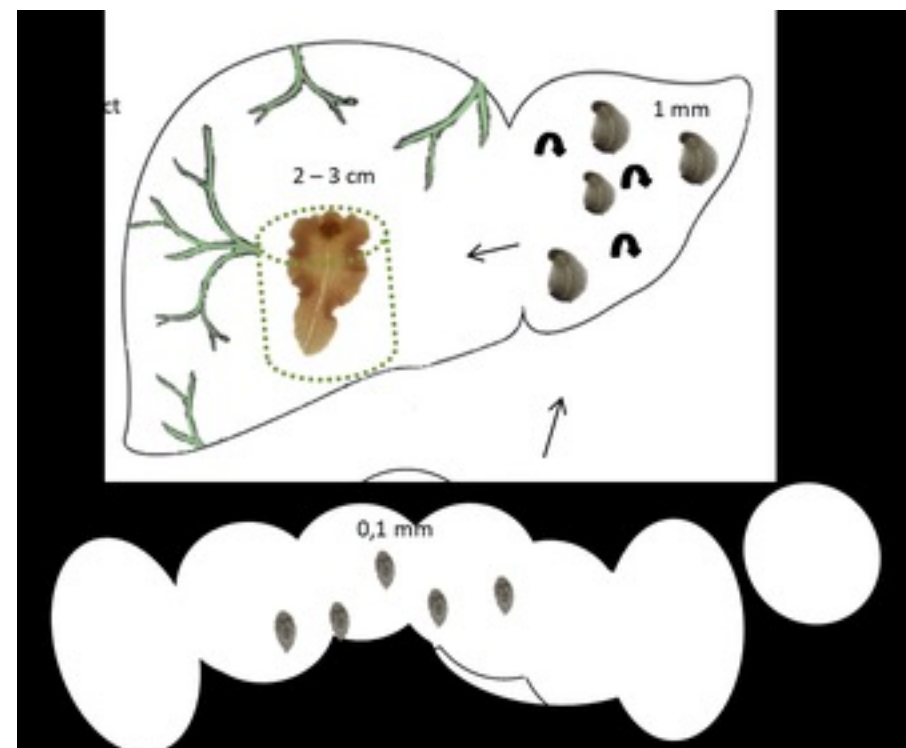
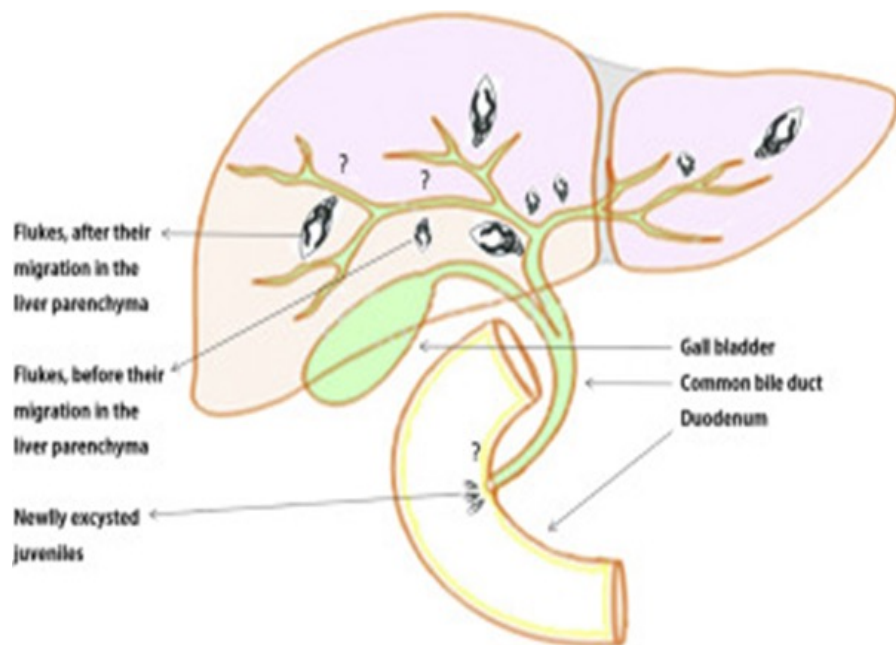


Hình 43. Chu kỳ phát triển của sán lá ruột



Tác hại

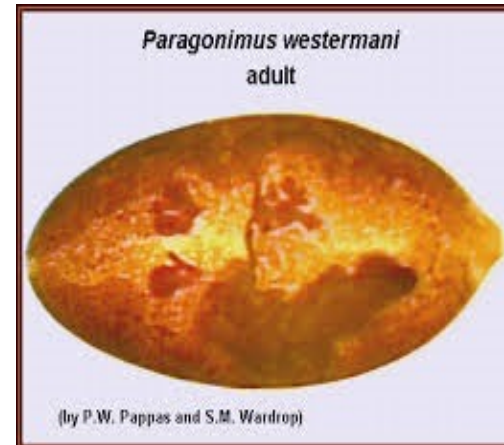
- Rối loạn tiêu hóa.
- Viêm phù nề niêm mạc ruột.
- Nhiễm độc tố của sán gây phù nề toàn thân.
- Thiếu máu



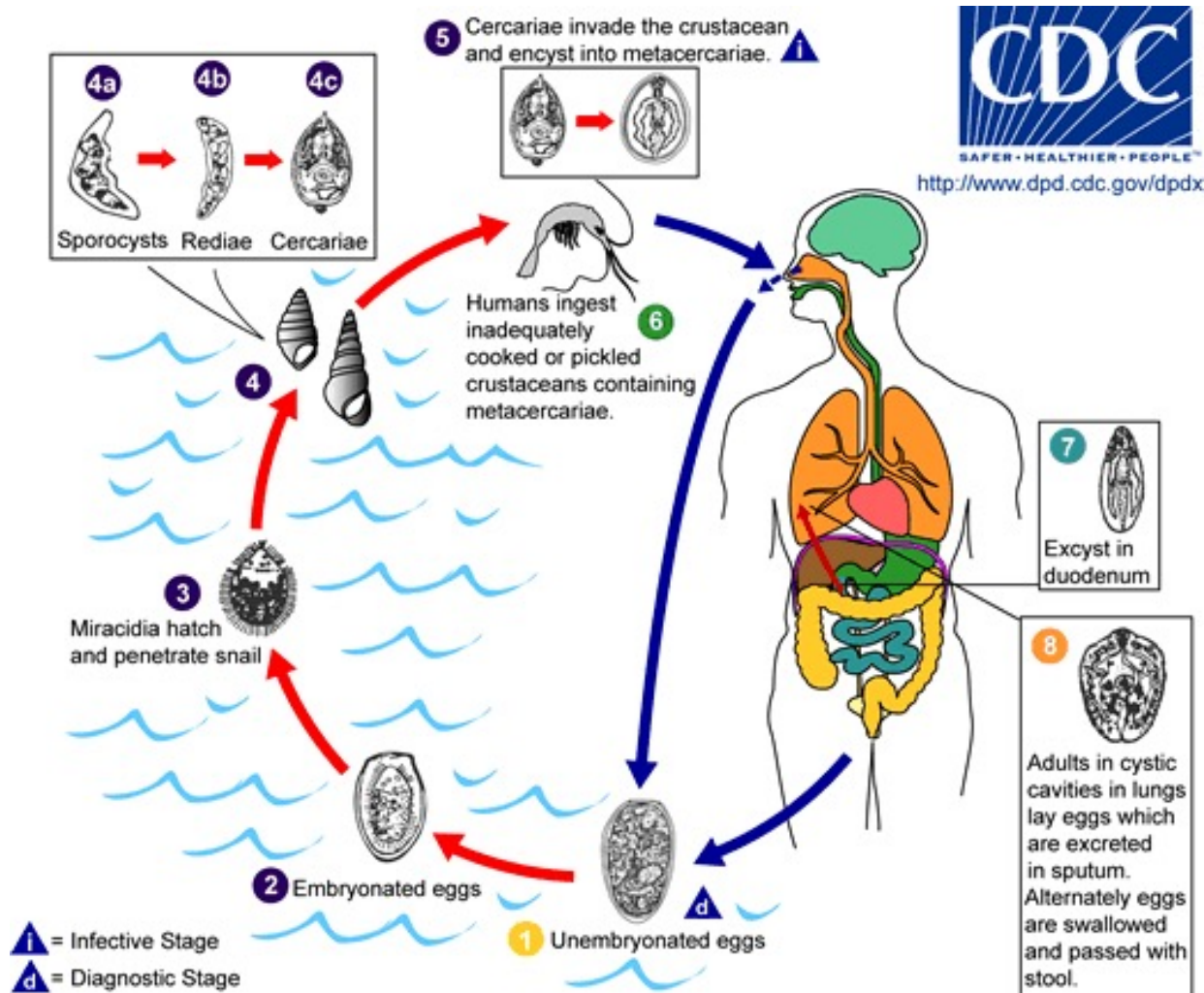


Sán lá phổi (*Paragonimus westermani*)

- **Hình thể:** Sán có thân dày gần giống hạt cà phê, 1 mặt dẹt, 1 mặt lồi, màu nâu đỏ. Dài 8 – 16mm, ngang 4 – 8mm, dày 3 – 4mm
- Buồng trứng to chia 2 thùy, tinh hoàn phân nhánh ít
- **Vị trí ký sinh:** Ký sinh ở phổi, làm nang trong tiểu phế quản nhỏ

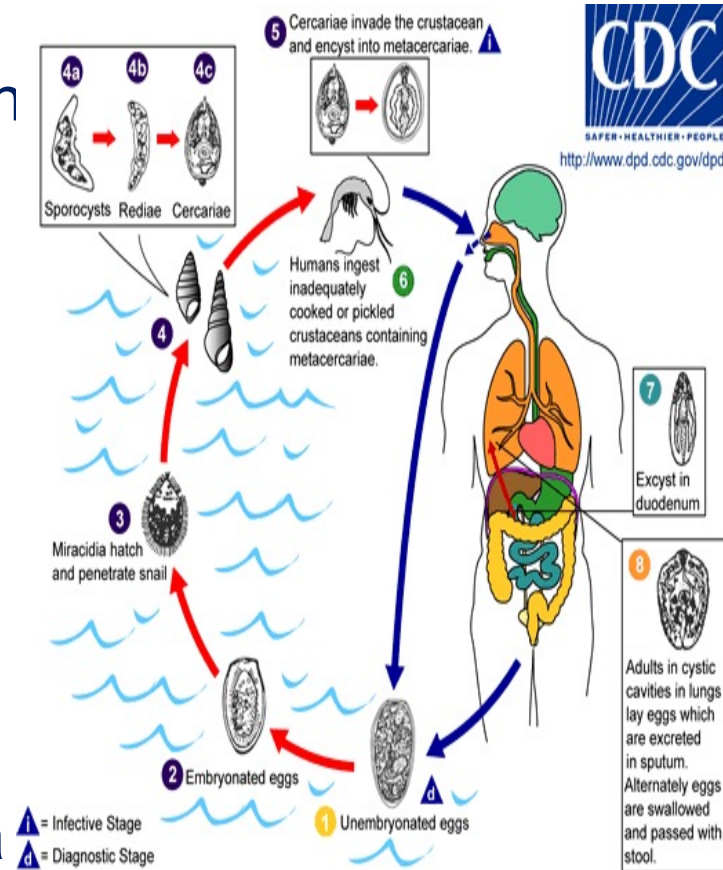


Chu kỳ



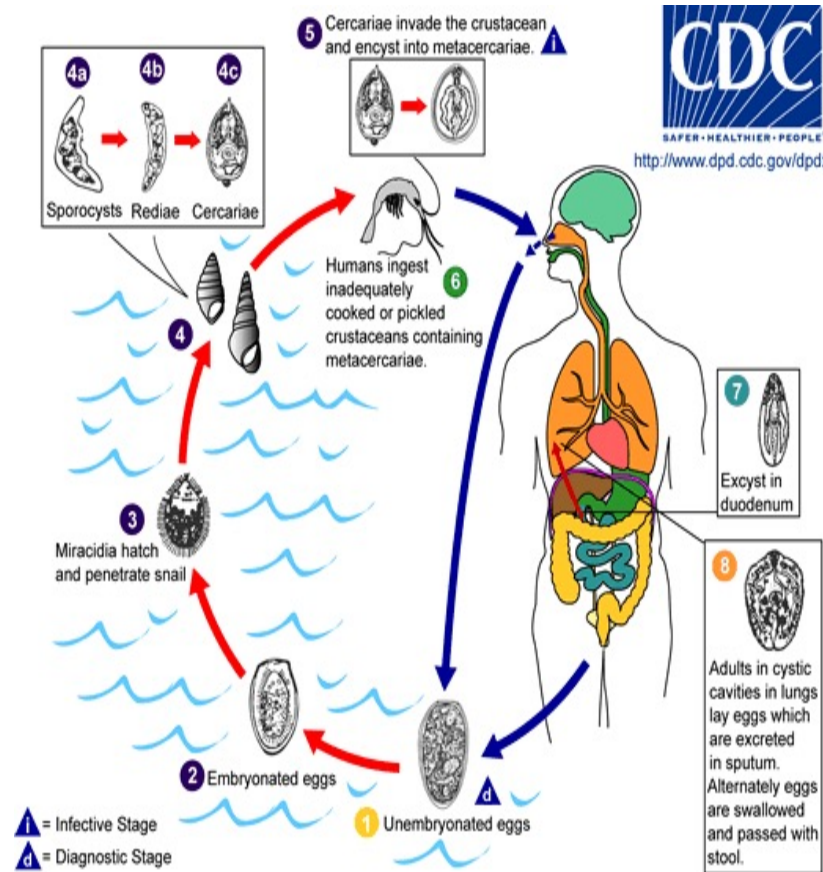
Chu kỳ

1. Sán lá phổi đẻ trứng, trứng theo đờm qua họng ra ngoài hoặc theo phân khi nuốt đờm, trứng rơi xuống nước.
2. Ở môi trường nước trứng phát triển và nở ra ấu trùng lông.
3. Ấu trùng lông chui vào ốc để phát triển thành ấu trùng đuôi.
4. Ấu trùng đuôi rời ốc bơi tự do trong nước, xâm nhập vào tôm cua nước ngọt, rụng đuôi phát triển thành ấu trùng nang ở trong thịt và phủ tạng của tôm, cua.



5. Người (hoặc động vật) ăn phải tôm, cua có ấu trùng nang chưa được nấu chín như: cua nướng, mắm cua, uống nước cua sống thì sau khi ăn: ấu trùng sán vào dạ dày và ruột, xuyên qua thành ống tiêu hóa vào ổ bụng rồi từng đôi một xuyên qua cơ hoành và màng phổi vào phế quản để làm tổ ở đó.

6. Thời gian từ khi ăn phải ấu trùng đến khi có sán trưởng thành khoảng 5-6 tuần





Tác hại

- Ho ra máu (thường ra ít một lần với đờm, màu đỏ tươi, hoặc đỏ thẫm, hoặc màu rỉ sắt, cũng có khi ho ra nhiều máu tươi một lúc), từng đợt trong năm và có khi kéo dài trong nhiều năm.
- Thường không kèm theo sốt, không có tình trạng nhiễm trùng (trừ trường hợp bội nhiễm), cơ thể ít suy sụp (khác với bệnh lao và các bệnh phổi khác).
- Có hội chứng 3 giảm ở đáy phổi (nếu sán ở trong màng phổi có thể gây tràn dịch màng phổi).
- X quang phổi có nốt mờ, mảng mờ, có hình hang nhỏ và chủ yếu ở vùng thấp (nếu sán ở trong phổi) hoặc hình ảnh tràn dịch màng phổi (nếu sán ở trong màng phổi).



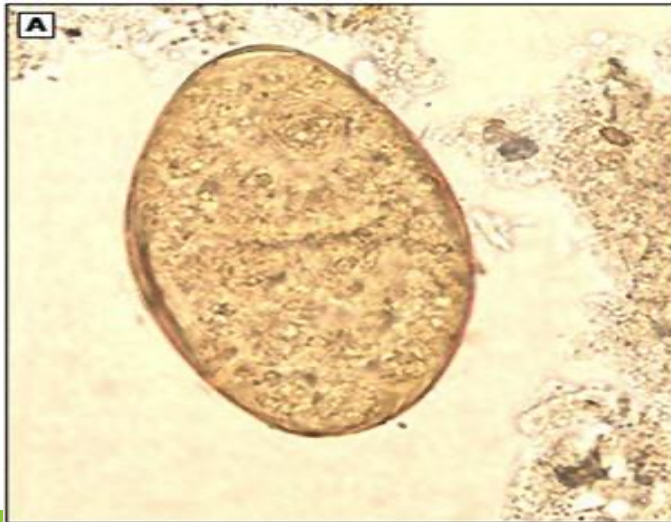


Một số loại sán khác

- Sán lá gan lớn
- Sán máng



Trứng một số loài sán





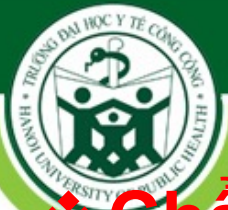
Tổng kết

- Tên gọi 1 số loại sản qua truyền qua thực phẩm
- Một số đặc điểm về hình thái, sinh học, sinh sản
- Phương thức lây nhiễm
- Chu kỳ
- Tác hại



Bệnh giun sán truyền qua đất & thực phẩm

- ❖ **Đặc điểm dịch tễ học:** Phổ biến ở các nước nhiệt đới và cận nhiệt
- Ước tính trên thế giới có khoảng 1 tỷ người nhiễm giun sán.
- Liên quan đến nghèo đói, vệ sinh môi trường kém.
- Bệnh giun sán truyền qua đất phổ biến ở Việt Nam, hàng đầu là giun đũa, giun móc/mỏ, giun tóc.



❖ **Chẩn đoán bệnh giun sán truyền qua đất và thực phẩm:**

- **Chẩn đoán lâm sàng:** Nhóm triệu chứng liên quan đến tiêu hóa tuy nhiên không đặc hiệu (đau bụng, rối loạn tiêu hóa)
- **Chẩn đoán xét nghiệm:** Chính xác: Hay làm nhất là kỹ thuật xét nghiệm trực tiếp (tìm ký sinh trùng).
- **Chẩn đoán dịch tễ học, vùng:** Bệnh liên quan mật thiết đến môi trường tự nhiên, môi trường xã hội.



Điều trị

- Mebendazol, albendazol, triclabendzol.
- Praziquantel
- Niclosamid,



Phòng chống bệnh giun sán truyền qua đất, thực phẩm

Nguyên tắc:

- Kế hoạch lâu dài
- Tiến hành trên quy mô rộng lớn
- Xã hội hóa công việc phòng chống.
- Lòng ghép việc phòng chống giun sán truyền qua đất vào các hoạt động y tế và xã hội khác.
- Sử dụng tổng hợp các biện pháp có thể.



Biện pháp phòng chống cụ thể:

- Phát triển kinh tế xã hội
- Vệ sinh môi trường
- Vệ sinh ăn uống
- Truyền thông- giáo dục sức khỏe về giun sán.
- Phát hiện bệnh sớm
- Điều trị sớm, triệt để.



Tổng kết

- Đặc điểm bệnh giun sán truyền qua đất và thực phẩm
- Phương pháp chẩn đoán
- Phòng bệnh



Câu hỏi lượng giá

Câu 1. Nối hai cột với nhau để Tuổi thọ của giun:

A. 13-15 tháng.

B. 10- 15 năm.

C. 5 - 6 năm.

D. 1 - 2 tháng

1. Giun kim

2. Giun tóc

3. Giun đũa

4. Giun mỏ



Câu 2: Giun gây thiếu máu là:

- A. Giun kim
- B. Giun tóc
- C. Giun móc/mỏ
- D. Giun đũa



Câu 3: Ký sinh tại đại tràng:

- A. Giun kim
- B. Giun tóc
- C. Giun móc/mỏ
- D. Giun đũa



Câu 4. Chọn các cụm từ ở cột B nối cột A.

Cột A

- a. Giun kim cái đẻ trứng ở
- b. Ấu trùng sán dây lợn thường ký sinh gây bệnh ở người
- c. Sán lá gan nhỏ ký sinh ở..
- d. Ấu trùng giun đũa chu du qua ...

Cột B

- A- Ấu trùng sán dây lợn
- B- phổi, tim
- C-nếp kẽ hậu môn
- D- Đường mật



**Câu 5. suy dinh dưỡng hay gặp do
nhiễm:**

- A. Giun đũa
- B. Giun móc
- C. Sán dây
- D. Sán lá gan



Câu 6. Loại giun sau ấu trùng có khả năng sinh sản:

- A. Giun móc
- B. Giun lươn
- C. Giun kim
- D. Giun đũa



Câu 7. Ăn rau sống nhiễm Ký sinh trùng nào sau đây, TRỪ:

- A. Sán lá gan
- B. Sán lá ruột
- C. Sán lá phổi
- D. Giun đũa
- E. Giun kim



Câu 8: Ăn gỏi cá có thể bị nhiễm những loài sán lá nào sau đây:

- A. Sán lá ruột lớn
- B. Sán lá ruột nhỏ
- C. Sán lá gan nhỏ
- D. Sán lá gan lớn
- E. B+C



Câu 9 Hãy xếp thứ tự các chữ cái sau để được 1 chu kỳ đúng của sán lá gan lớn

A. Người

B. Trứng

C. Ấu trùng lông

D. Nước

E. Ấu trùng đuôi

F. Ấu trùng nang

G. Rau

H. Ốc



**Câu 10 Xét nghiệm phân có thể phát hiện
nhiễm những loài giun sán nào sau đây:**

A. Sán truyền qua thức ăn

B. Giun truyền qua đất

C. Giun sán đường máu - tổ chức

D. A + B



Câu hỏi, bình luận?





Xin chân thành
cảm ơn!

Thank You!



ĐÁP ÁN



Câu hỏi lượng giá

Câu 1. Tuổi thọ của giun đũa:

- A. 13-15 tháng
- B. 1 năm
- C. 60 - 75 ngày
- D. 2 - 3 tháng



Câu 2: Giun móc gây thiếu máu do:

- A. Hút máu liên tục
- B. Tiết ra chất chống đông máu
- C. Ức chế cơ quan tạo máu
- D. Tất cả các lý do trên



Câu 3: Giun tóc sống ở ruột non

A. Đúng

B. Sai

Manh tràng



Câu 4. Chọn các cụm từ ở cột B điền vào chỗ chấm cột A.

Cột A

- a. Giun kim đẻ trứng ở...**C**
- b. Ấu trùng sán dây lợn thường ký sinh ở...**D**
- c. Sán lá gan nhỏ đẻ trứng ở...**A**

Cột B

- A-đường mật
- B-ruột non
- C-nếp kẽ hậu môn
- D-mô dưới da, não, mắt, cơ bắp, tim, gan, phổi, các hốc trong bụng, ...



Câu 5. Khi ấu trùng giun móc đến phổi có thể gây ra:

- A. Hen phế quản
- B. Tràn dịch màng phổi
- C. Viêm phổi thùy
- D. Khái huyết



Câu 6. Loại giun sau ấu trùng có khả năng sinh sản:

- A. Giun móc
- B. Giun lươn
- C. Giun kim
- D. Giun đũa



Câu 7. Ăn rau sống nhiễm sán lá nào sau đây, TRỪ:

- A. Sán lá ruột lớn
- B. Sán lá ruột nhỏ
- C. Sán lá phổi
- D. Sán lá gan nhỏ
- E. Sán lá gan lớn



Câu 8: Ăn gỏi cá có thể bị nhiễm những loài sán lá nào sau đây, TRỪ:

- A. Sán lá ruột lớn
- B. Sán lá ruột nhỏ
- C. Sán lá phổi
- D. Sán lá gan nhỏ
- E. Sán lá gan lớn



Câu 9 Hãy xếp thứ tự các chữ cái sau để được 1 chu kỳ đúng của sán lá gan nhỏ

A. Người

B. Trứng

C. Ấu trùng lông

D. Ấu trùng đuôi

E. Ấu trùng nang

F. Cá

G. Ốc

A-B-C-G-D-F-E



**Câu 10 Xét nghiệm phân có thể phát hiện
nhiễm những loài giun sán nào sau đây:**

A.Sán lá ruột

B.Sán lá gan

C.Sán lá phổi

D.Giun tròn đường ruột

E.Giun sán đường máu - tổ chức

F.Tất cả các loài trên